

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 5 - 2022.

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Anh Đức.

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thái Văn H, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2022, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Thái Văn H trình bày: Vào năm 1997, ông Thái Văn H và bà Trần Thị Mỹ C tổ chức cưới và chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống được 23 năm, đến tháng 11 năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, ông H và bà C sống chung không còn hạnh phúc. Nay ông Thái Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Trần Thị Mỹ C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Thái Văn H và bà Trần Thị Mỹ C có 02 người con chung tên Thái Thị Lan C, sinh ngày 26/6/1998 và Thái Trần Chí B, sinh ngày 02/8/2003. Cả hai người con chung đã đủ 18 tuổi trở lên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Trần Thị Mỹ C* : Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị Mỹ C theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà C không liên hệ đến Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Mỹ C đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà C vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Mỹ C .

Về nội dung:

[2] Việc tranh chấp giữa ông Thái Văn H và bà Trần Thị Mỹ C là loại kiện hôn nhân và gia đình. Xét thấy, ông H và bà C tổ chức cưới và sống chung vào năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống đến tháng 11 năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà C . Như vậy, mục đích hôn nhân giữa ông Thái Văn H và bà Trần Thị Mỹ C không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, ông H và bà C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa hai người không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thụ lý đơn khởi kiện của ông Thái Văn H và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Thái Văn H và bà Trần Thị Mỹ C .

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Thái Văn H và bà Trần Thị Mỹ C có 02 người con chung tên Thái Thị Lan C , sinh ngày 26/6/1998 và Thái Trần Chí B , sinh ngày 02/8/2003. Cả 02 người con đều đủ 18 tuổi trở lên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Tại phiên tòa, ông Thái Văn H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông Thái Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân

sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009870 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M . Như vậy, ông Thái Văn H đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Thái Văn H và bà Trần Thị Mỹ C .

- Về con chung: Ông Thái Văn H và bà Trần Thị Mỹ C có 02 người con chung tên Thái Thị Lan C , sinh ngày 26/6/1998 và Thái Trần Chí B , sinh ngày 02/8/2003. Cả 02 người con đều đủ 18 tuổi trở lên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Thái Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009870 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M . Như vậy, ông Thái Văn H đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được được tổng đạt hợp lệ

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M ;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện M ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Mỹ